

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 6 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX- ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1988- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1984- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn H đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/12/2011. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm

trọng chuyện kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyện vọng của chị Lê Thị N xin được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn H có 02 con chung: cháu Lê Thực Q1; sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lê Minh Q2, sinh ngày 11/01/2017.

Sau khi ly hôn chị N đề nghị giao cháu Lê Thực Q1 và cháu Lê Minh Q2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn H không đến tòa làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai bị đơn Lê Văn H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H và Giao cháu Lê Thực Q1; sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lê Minh Q2, sinh ngày 11/01/2017 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Q1 và cháu Q2 tròn 18 tuổi, Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị N không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị N đề ngày 06/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Lê Thị N làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Lê Văn H, cư trú tại Thôn TH 2, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được cho anh Lê Văn H, Tòa án đã giao cho người thân thích là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ anh Lê Văn H), có cùng nơi cư trú với anh Lê Văn H là đảm bảo việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS. Tuy nhiên, anh Lê Văn H không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Lê Văn H vắng mặt, nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Văn H. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Văn H vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thực Q1; sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lê Minh Q2, sinh ngày 11/01/2017. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng chị Lê Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Lê Văn H không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn H, vì anh chị sau khi kết hôn thì đi làm ăn xa, ít về địa phương, vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì không thấy anh chị khai báo và nhờ chính quyền địa phương hòa giải. Nay chị N làm đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản tự khai ngày 12/4/2022 ông Lê Văn H1 (bố đẻ anh Lê Văn H) cung cấp: Sau khi anh H và chị N kết hôn thì vợ chồng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng

mới về nhà và xác định hiện nay vợ chồng anh H, chị N không còn chung sống với nhau nữa.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị Lê Thị N xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Còn anh Lê Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên tòa trình bày ý kiến.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Lê Thị N và anh Lê Văn H có 2 con chung là cháu Lê Thực Q1; sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lê Minh Q2, sinh ngày 11/01/2017, hiện nay hai cháu đang do ông bà nội là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị L chăm sóc vì anh chị thường đi làm ăn xa, ông bà nội xác định anh H đi làm ăn ở Bình Dương ít về thăm hai cháu, ông bà nội cũng không thể tiếp tục chăm lo cho cháu Q1 và cháu Q2 được, chị N thì có nguyện vọng sau khi ly hôn thì xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung cho đến lúc các cháu trưởng thành và cháu Lê Thực Q1 hiện nay đã trên 07 tuổi, cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn H cũng không có mặt để xác định nguyện vọng của anh về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy nguyện vọng của chị N là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Thực Q1 và cháu Lê Minh Q2 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh Lê Văn H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị N không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lê Thực Q1; sinh ngày 08/6/2012 và cháu Lê Minh Q2, sinh ngày 11/01/2017 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Q1 và cháu Q2 tròn 18 tuổi.

Anh Lê Văn H được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Lê Văn H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N không yêu cầu anh Lê Văn H cấp dưỡng tiền nuôi các con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị N không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016029 ngày 12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị Lê Thị N, bị đơn anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Anh Hùng